

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG QUÁT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHÍNH SÁCH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ

ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 -11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 14 (sau đây gọi tắt là "Công ty" trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14 được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 14 theo Quyết định số 4575/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước nắm giữ 51% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2001187428 ngày 06/04/2015 và thay đổi lần 1 ngày 11/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Văn phòng của Công ty được đặt số 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Sản xuất, lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa, đóng tàu và cầu kiện nổi.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Mai Văn Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên
Bà Huỳnh Thùy Linh	Thành viên
Ông Trần Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Thanh Phong	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Ngọc Tuyết	Thành viên
Ông Trương Văn Lộc	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Út	Giám đốc
Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Út	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Ông MAI VĂN TOÀN
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Cà Mau, ngày 29 tháng 2 năm 2020



Số: 086/2020/BCKT-CT.00212

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 14

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 14 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 2 năm 2020, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.3 của thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu dài hạn của Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam với số tiền là 613.341.000 VND chưa được Công ty trích lập dự phòng. Theo Quyết định số 2532/CĐTNĐ – TC ngày 28/11/2016 (thời điểm sau cổ phần hóa) của Cục đường thủy Nội địa Việt Nam về việc tắt toán khối lượng quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014, do điều chỉnh chi phí tiền lương khi lập giá sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa, nên Cục đường thủy Nội địa Việt Nam quyết định không chấp thuận tiếp tục thanh toán kinh phí quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014 cho Công ty với giá trị 613.341.000 VND, hợp đồng này đã thực hiện và đã thanh lý năm 2014 trước khi cổ phần hóa. Nếu Công ty ghi nhận khoản dự phòng này vào trong năm 2019 thì lợi nhuận trước thuế trên Kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Như đã nêu tại mục 5.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, có khoản phải thu 414.089.967 VND là khoản chi phí phát sinh Công ty đã chi để thực hiện công tác quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa từ năm 2014 trở về trước. Tuy nhiên, khi duyệt quyết toán (ngày 26/08/2015 sau khi cổ phần hóa) Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam không chấp nhận thanh toán cho Công ty do điều chỉnh một số nội dung trong dự toán. Do đó, khoản chi phí này không có khả năng thu hồi. Nếu Công ty trích lập dự phòng khoản nợ này vào trong Báo cáo tài chính năm 2019 thì lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 14 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Theo Quyết định số 98/CCĐT-TCTK ngày 19/01/2017 của Chi Cục Đường Thủy Nội địa phía Nam (thuộc Cục đường thủy Nội địa Việt Nam) về việc thu hồi nộp Ngân sách Nhà nước kinh phí giảm trừ, Công ty phải nộp bổ sung do điều chỉnh giảm số kinh phí khi quyết toán nguồn sự nghiệp đường thủy nội địa với số tiền là 149.520.000 VND. Tuy nhiên Công ty chưa ghi nhận giá trị này trong báo cáo tài chính cũng như chưa nộp trong báo cáo tài chính năm 2019 do chưa có quyết định thu hồi chính thức từ Bộ Giao Thông Vận Tải.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 14 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần có đoạn nhấn mạnh đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 06 năm 2019.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 29 tháng 2 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.940.062.944	9.350.945.024
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.134.382.476	1.137.302.111
Tiền	111		1.134.382.476	1.137.302.111
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.761.718.222	8.066.872.710
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.272.628.255	7.419.442.743
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	489.089.967	647.429.967
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		1.043.962.246	146.770.203
Hàng tồn kho	141	5.6	1.043.962.246	146.770.203
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.910.436.280	4.921.522.631
Các khoản phải thu dài hạn	210		613.341.000	613.341.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		697.276.236	697.276.236
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(83.935.236)	(83.935.236)
Tài sản cố định	220		3.123.858.303	3.840.158.704
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.123.858.303	3.840.158.704
Nguyên giá	222		7.345.269.009	6.936.355.100
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.221.410.706)	(3.096.196.396)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Đầu tư khác	258		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		173.236.977	468.022.927
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	173.236.977	468.022.927
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.850.499.224	14.272.467.655

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.880.782.520	6.566.692.773
Nợ ngắn hạn	310		2.880.782.520	6.566.692.773
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	23.588.000	3.336.460.034
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	300.371.926	749.461.426
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.248.263.919	603.888.030
Phải trả người lao động	314		836.326.590	1.462.079.917
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	465.898.539	412.396.001
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.13	6.333.546	2.407.365
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.969.716.704	7.705.774.882
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	7.969.716.704	7.705.774.882
Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.143.630.000	7.143.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.143.630.000	7.143.630.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		107.561.526	83.636.086
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		718.525.178	478.508.796
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	478.508.796
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		718.525.178	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.850.499.224	14.272.467.655



NGUYỄN VĂN KHIẾT
Người lập biểu



HUỲNH THÙY LINH
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÚT
Giám đốc

Cà Mau, ngày 29 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	16.362.095.827	21.315.973.233
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.362.095.827	21.315.973.233
Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.675.842.449	15.507.859.938
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.686.253.378	5.808.113.295
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.183.359	35.222.756
Chi phí tài chính	22	6.4	23.905.660	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.905.660	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.743.841.714	4.864.636.369
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		921.689.363	978.699.682
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.6	18.388.891	62.809.886
Lợi nhuận khác	40		(18.388.891)	(62.809.886)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		903.300.472	915.889.796
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	184.775.294	437.381.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		718.525.178	478.508.796
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.005,83	477,49

(Signature)

NGUYỄN VĂN KIỆT

Người lập biểu

(Signature)

HUYỀN THÙY LINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÚT

Giám đốc

Cà Mau, ngày 29 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		903.300.472	915.889.796
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.129.033.022	950.549.836
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		-	83.935.236
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.755.327)	48.864.212
Chi phí lãi vay	06		23.905.660	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.053.483.827	1.999.239.080
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.305.154.488	223.227.055
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(897.192.043)	(67.252.302)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.575.096.535)	672.737.178
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		294.785.950	(24.244.430)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.905.660)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(299.515.193)	(435.890.121)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(133.480.003)	(128.479.956)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		724.234.831	2.239.336.504
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(413.160.653)	(1.568.389.170)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	11.400.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.183.359	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(409.977.294)	(1.556.989.170)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Địa chỉ: 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp Cà Mau

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(317.177.172)	(279.617.039)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(317.177.172)	(279.617.039)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50		(2.919.635)	402.730.295
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	60		1.137.302.111	734.571.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	1.134.382.476	1.137.302.111


NGUYỄN VĂN KHIẾT
Người lập biểu


HUỲNH THỦY LINH
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN ÚT
Giám đốc
Cà Mau, ngày 29 tháng 02 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14 được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 14 theo Quyết định số 4575/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước nắm giữ 51% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2001187428 ngày 06/04/2015 và thay đổi lần 1 ngày 11/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Sản xuất, lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa, đóng tàu và cầu kiện nổi.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Bạc Liêu
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Cà Mau
- Tổ Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Hồng Dân
- Tổ Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Gành Hào
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Năm Căn
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Sông Đốc
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Thới Bình
- Tổ Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Xẻo Rô
- Đội cơ khí xây dựng công trình

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 71 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 71 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, tiền lương, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty và đối tượng	Quan hệ
Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	32.885.359	15.555.172
Tiền gửi ngân hàng – VND	(*) 1.101.497.117	1.121.746.939
Cộng	1.134.382.476	1.137.302.111

(*) Bao gồm:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cà Mau	53.443.209
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau	1.048.053.908
Cộng	1.101.497.117

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi cục đường thủy nội địa phía Nam	-	3.299.333.182
Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam	3.793.326.555	4.011.109.561
Các khách hàng khác	479.301.700	109.000.000
	4.272.628.255	7.419.442.743

5.3 Phải thu dài hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam	(*) 613.341.000	613.341.000
Các khách hàng khác	83.935.236	83.935.236
	697.276.236	697.276.236

(*) Theo Quyết định số 2532/CĐTNĐ – TC ngày 28/11/2016 của Cục đường thủy Nội địa Việt Nam về việc tắt toàn khối lượng quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014, do điều chỉnh chi phí tiền lương khi lập giá sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa, nên Cục đường thủy Nội địa Việt Nam quyết định không chấp thuận tiếp tục thanh toán kinh phí quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014 cho Công ty với giá trị 613.341.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi phí thực hiện Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam (*)	414.089.967	-	414.089.967	-
Tạm ứng tiền	75.000.000	-	14.000.000	-
Tạm ứng nhiên liệu	-	-	219.340.000	-
	489.089.967	-	647.429.967	-

(*) Đây là khoản chi phí phát sinh Công ty đã chi để thực hiện công tác quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa từ năm 2014 trở về trước. Tuy nhiên, khi duyệt quyết toán (ngày 26/08/2015 sau khi cổ phần hóa) Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam không chấp nhận thanh toán cho Công ty do điều chỉnh một số nội dung trong dự toán. Do đó, khoản chi phí đã chi sẽ không có khả năng thu hồi.

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2019		Thời gian quá hạn	01/01/2019	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Quốc tế JBICHEM Cà Mau	Trên 3 năm	3.000.000	-	Trên 3 năm	3.000.000	-
Công ty TNHH XD Thọ Hoàng Thanh	Trên 3 năm	19.365.222	-	Trên 3 năm	19.365.222	-
Công ty TNHH XD & TM Bê Ta	Trên 3 năm	61.570.014	-	Trên 3 năm	61.570.014	-
		83.935.236	-		83.935.236	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	(83.935.236)	-	(83.935.236)
Trích lập dự phòng	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	(83.935.236)	-	(83.935.236)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	635.378	-	635.378	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.043.326.868	-	146.134.825	-
	1.043.962.246	-	146.770.203	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	173.236.977	468.022.927
	173.236.977	468.022.927

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	914.753.236	148.655.398	5.872.946.466	-	6.936.355.100
Mua sắm trong năm	38.718.181	58.000.000	169.320.420	147.122.052	413.160.653
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.246.744)	-	-	(4.246.744)
Tại ngày 31/12/2019	953.471.417	202.408.654	6.042.266.886	147.122.052	(*) 7.345.269.009
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	427.445.309	115.847.108	2.552.903.979	-	3.096.196.396
Khấu hao trong năm	156.042.816	23.848.751	944.237.367	4.904.088	1.129.033.022
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.818.712)	-	-	(3.818.712)
Tại ngày 31/12/2019	583.488.125	135.877.147	3.497.141.346	4.904.088	4.221.410.706
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	487.307.927	32.808.290	3.320.042.487	-	3.840.158.704
Tại ngày 31/12/2019	369.983.292	66.531.507	2.545.125.540	142.217.964	3.123.858.303

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định dưới 30 triệu đồng chưa đủ điều kiện là 154,837,043 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	-	55.720.061	104.257.625	-
				159.977.686

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH MTV Ánh Dương	-	1.386.700.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuận Thảo	-	959.100.000
Các nhà cung cấp khác	23.588.000	990.660.034
	23.588.000	3.336.460.034

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trung tâm quản lý công trình thủy lợi Cà Mau	200.576.000	-
Ban Quản lý dự án đường thủy nội địa	77.295.926	77.295.926
Công ty TNHH Đức Tâm Hiệp	22.500.000	22.500.000
Các khách hàng khác	-	649.665.500
	300.371.926	749.461.426

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2019	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	656.838	113.480.744	(113.480.003)	657.579
Quỹ phúc lợi	1.750.527	23.925.440	(20.000.000)	5.675.967
	2.407.365	137.406.184	(133.480.003)	6.333.546

5.14 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.14.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm trước				
Tại ngày 01/01/2018	7.143.630.000	83.636.086	-	7.227.266.086
Lãi thuần trong năm	-	-	478.508.796	478.508.796
Tại ngày 31/12/2018	7.143.630.000	83.636.086	478.508.796	7.705.774.882
Năm nay				
Tại ngày 01/01/2019	7.143.630.000	83.636.086	478.508.796	7.705.774.882
Lãi thuần trong năm	-	-	718.525.178	718.525.178
Phân bổ vào các quỹ (*)	-	23.925.440	(23.925.440)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(137.406.184)	(137.406.184)
Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	(317.177.172)	(317.177.172)
Tại ngày 31/12/2019	7.143.630.000	107.561.526	718.525.178	7.969.716.704

(*) Xem chi tiết phân phối lợi nhuận tại thuyết minh 5.14.3.

5.14.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH	3.643.630.000	51,01	3.643.630.000	51,01
Tổng Văn Thanh	400.000.000	5,60	400.000.000	5,60
Công ty cổ phần sản xuất thiết bị điều khiển và báo hiệu	300.000.000	4,20	300.000.000	4,20
Mai Văn Toàn	296.350.000	4,15	296.350.000	4,15
Các cổ đông khác	2.503.650.000	35,05	2.503.650.000	35,05
	7.143.630.000	100	7.143.630.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14.3 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2019 Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 ngày 24 tháng 7 năm 2019 như sau:

	VND
Chia cổ tức	317.177.172
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	23.925.440
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	137.406.184
	478.508.796

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

Tổng doanh thu

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.362.095.827	21.750.993.095
	16.362.095.827	21.315.973.233

6.2 Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.675.842.449	15.507.859.938
	10.675.842.449	15.507.859.938

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.183.359	35.222.756
	3.183.359	35.222.756

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	23.905.660	-
	23.905.660	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.615.184.575	2.738.505.997
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.681.818	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	138.138.758	132.445.272
Thuế, phí, lệ phí	49.543.954	50.182.541
Chi phí dự phòng	-	83.935.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.524.153.193	1.487.725.120
Chi phí bằng tiền khác	414.139.416	371.842.203
Cộng	4.743.841.714	4.864.636.369

6.6 Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Nộp thuế, bảo hiểm, phạt chậm nộp	11.353.993	1.498.641
Lỗ thanh lý tài sản	428.032	48.864.212
Thu thanh lý tài sản	-	(11.400.000)
Chi thanh lý TSCĐ	428.032	60.264.212
Chi phí khác	6.606.866	12.447.033
	18.388.891	62.809.886

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	718.525.178	478.508.796
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi		(137.406.184)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	718.525.178	341.102.612
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm (cổ phiếu)	714.363	714.363
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.005,83	477,49

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.077.401.643	-

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.077.401.643	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh ở Mục 6.1.2. Công ty không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là không có số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2019 VND	2018 VND
Tiền lương, thưởng	990.539.516	977.620.864
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	76.800.000	82.800.000
	1.067.339.516	1.060.420.864

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm 2018, không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Không có các khoản công nợ với các bên có liên quan được trình bày trong thuyết minh tại ngày 31/12/2019.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

8.2 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo Biên bản Hội đồng quản trị số 01/BB/HĐQT-CT14 của Hội đồng quản trị năm 2019 ngày 10 tháng 4 năm 2019 như sau:

	Mã số	2018 Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	2018 Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Thu nhập khác	31	11.400.000	(11.400.000)	-	(*)
Chi phí khác	32	74.209.886	(11.400.000)	62.809.886	(*)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	669,84	(192,35)	477,49	

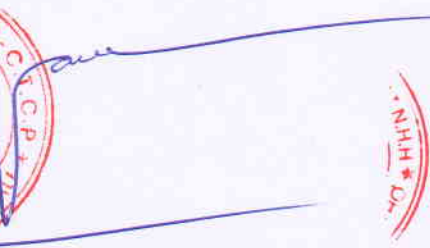
(*) Trình bày lại theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Chưa có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


NGUYỄN VĂN KIẾT
 Người lập biểu


HUỲNH THÙY LINH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN ÚT
 Giám đốc
 Cà Mau, ngày 29 tháng 02 năm 2020

